

Bản án số: 646 /2020/HS-ST

Ngày: 26 -11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh - Thư ký TAND thành phố Biên Hoà.

**- Đại diện VKSND thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Biên Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 607/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1998 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 73/15, tổ 19, khu phố A, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: thợ sửa chữa camera; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1974 và con bà Hoàng Thị X2, sinh năm 1975, gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất chưa có vợ con.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại.

**2. Tăng T.A**, sinh năm 1999 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Số 14/5, tổ X1, khu phố Đ1, phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: thợ sửa chữa camera; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Tăng Thanh T4, sinh năm 1973 và con bà Khưu Hồng H3, sinh năm 1975 gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai chưa có vợ con

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại.

- **Bị hại:** Ông Bùi Cao T, sinh năm 1992.

Bà La Bích D, sinh năm 1993.

Cùng cư trú: Số 570 Đ, khu phố X, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Người làm chứng:** ông Huỳnh Thanh D1, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Số 2/7, khu phố 7, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo V, T.A có mặt, bị hại, người làm chứng vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 11/3/2020 Nguyễn Hoàng V và Tăng T.A là nhân viên kỹ thuật sửa chữa Camera của Công ty TNHH H ở 2/7 đường V, phường Th, Tp. B, tỉnh Đồng Nai đi đến nhà anh Bùi Cao T, sinh năm 1992, ở tại 123/7, khu phố X4, phường T3, thành phố B để sửa camera. Khi T.A leo lên trần nhà lầu 1 thì phát hiện trên trần nhà của anh T có để một túi vải nên T.A xuống và nói cho V biết thì V leo lên mở túi ra xem thì thấy trong túi có nhiều cọc tiền khác nhau (không biết trong đó có bao nhiêu tiền) và leo xuống nói với T.A là lấy trộm số tiền đó để tiêu xài thì T.A đồng ý. V leo lên lấy 1 cọc tiền trong đó có 29.000.000 đồng (*hai mươi chín triệu đồng*) loại tiền mệnh giá năm trăm nghìn đồng và 600 đô la Mỹ (mệnh giá 100 đô la một tờ) rồi xuống bỏ vào túi đựng đồ nghề cất giấu và tiếp tục làm việc thêm một lúc thì V và T.A ra về. Khi đi đến khu vực nhà lao T2, ở phường T1, thành phố B thì V lấy cọc tiền ra chia cho T.A 14.500.000 đồng (*Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) còn 600 đô la Mỹ thì V nói sẽ đổi ra tiền Việt Nam rồi chia đôi sau. Có tiền V tiêu xài hết 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) còn T.A đem tiền về nhà cất giấu. Sau khi phát hiện bị mất tài sản anh T đã trình báo sự việc lên Công an phường Tr lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Biết sự việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nên V đã lên Công an phường Tr đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận định giá số 250 ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đối với 600 đô la Mỹ có giá trị là 13.918.800 đồng (*Mười ba triệu chín trăm mười tám ngàn tám trăm đồng*)

Vật chứng của vụ án: Số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và 600 đô la Mỹ (*sáu trăm đô la Mỹ*) các đối tượng đã trả lại cho anh T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ.

- 01 USB lưu giữ hình ảnh V và T.A sửa chữa camera tại nhà anh T.

Về dân sự: Anh Bùi Cao T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 611/CT-VKSBH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V, Tăng T.A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V với mức án tù 01 năm - 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Tăng T.A với mức án tù 01 năm - 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Ý kiến của các bị cáo: Cả hai bị cáo không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng, cả hai bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của các bị cáo được bảo đảm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

Đối với bị hại ông Bùi Cao T và bà La Bích D đã nhận lại tài sản bị mất do các bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Tại phiên tòa ông T, bà D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, xét thấy việc xét xử vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hoàng V, Tăng T.A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 11/3/2020 tại 123/7, khu phố X4, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Hoàng V và Tăng T.A đã có hành vi trộm cắp của anh Bùi Cao T số tiền 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*) và 600 đô la Mỹ có giá trị định giá là 13.918.800 đồng (*Mười ba triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng*). Tổng số tiền là 42.918.800 đồng (*Bốn mươi hai triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm đồng*).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của những người khác được Pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, bộc phát. Do vậy vai trò của các bị cáo ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: không có

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án tiền sự thuộc các trường hợp quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo V tự nguyện đầu thú, bị cáo T.A có gia đình đặc biệt khó khăn, cha mẹ ly hôn ở với bà ngoại thiếu sự chăm sóc của gia đình. Cả hai bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Trong thời gian tại ngoại các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, đều có nơi cư trú rõ ràng. Các tình tiết nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú quản lý, giáo dục là cũng đủ nghiêm, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Cao T, chị La Bích D không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số tiền trộm cắp đã được trả lại cho gia đình bị hại nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng V, Tăng T.A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án.

- Xử phạt: bị cáo Tăng T.A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng V và bị cáo Tăng T.A cho Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng những người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo (4);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan cảnh sát điều tra – CA TP Biên Hòa
- Cơ quan THA hình sự
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA TP Biên Hòa (PV27);
- UBND phường H2, TP B.
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN(2);
- Bị hại;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Võ Thị Hà Vân**